

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài Sơn

Bà Nguyễn Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông
Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lý Ton H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Thiều Thị B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2022, bản tự khai ngày 01/7/2022, biên bản hòa giải ngày 19/7/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lý Ton H trình bày: Anh và chị Thiều Thị B kết hôn ngày 13 tháng 6 năm 2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm, chị B thường xuyên uống rượu, đi chơi đêm không về nhà, không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2021 chị B đi làm ở thị trấn M cách nhà khoảng 7 km nhưng chị B thường xuyên không về nhà, nhiều lần anh gọi điện nhắc nhở chị B về nhà nhưng chị B nói do công việc bận nên không về nhà được và anh có ra nơi chị B làm việc thì không thấy chị B đâu, từ khi chị B

đi làm thì thời gian đầu thỉnh thoảng có về nhà một lúc rồi lại đi ngay, từ tháng 01/2022 đến nay thì chị B không về nhà nữa. Anh và gia đình đã tham gia khuyên bảo nhiều nhưng chị B không thay đổi. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B.

Về con chung Anh và chị B có 02 người con chung là Lý Thị L sinh ngày 17 tháng 10 năm 2007 và Lý Thị T sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009. Nay vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai người con và yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con hằng tháng với mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày ngày 13/7/2022, biên bản hòa giải ngày 19/7/2022, bị đơn chị Thiệu Thị B trình bày: Chị và anh Lý Ton H chung sống với nhau từ năm 2006 đến ngày 13 tháng 6 năm 2011 thì chị và anh H đến Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái đăng ký kết hôn, vợ chồng kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh H nhiều lần uống rượu về là đánh đập chị. Ngoài ra, anh H có biểu hiện ngoại tình với người phụ nữ khác chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không nghe vẫn yêu cầu ly hôn. Do công việc bận nên chị B thỉnh thoảng mới về nhà, mỗi lần về thì anh H lại chửi mắng nên từ tháng 01/2022 chị B ở lại nơi làm việc không về nhà nữa. Bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì các con nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung là Lý Thị L sinh ngày 17 tháng 10 năm 2007 và Lý Thị T sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009. Nếu vợ chồng phải ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu L, còn anh H nuôi cháu T. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền thụ lý vụ án tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ đúng quy định từ các điều 93 đến 98 Bộ luật Tố tụng dân sự; trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại các điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc lập hồ sơ vụ án đúng quy định tại Điều 198 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về Quan hệ hôn nhân, anh Lý Ton H được ly hôn chị Thiều Thị B;

Về con chung, giao hai người con là cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Thiều Thị B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi;

Chị B được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lý Ton H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thiều Thị B và giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; chị B đăng ký thường trú tại thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Ton H và chị Thiều Thị B kết hôn ngày 13 tháng 6 năm 2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, có tìm hiểu, tại thời điểm kết hôn anh H, chị B đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp và vợ chồng không tin tưởng nhau, bản thân chị B thường xuyên vắng nhà mặc dù từ nơi làm việc về nhà chỉ khoảng 7 km nhưng chị B ở lại nơi làm việc thỉnh thoảng mới về. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 mỗi người ở một nơi. Tòa án đã tiến hành hòa giải lần thứ nhất vào

ngày 19/7/2022 anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, còn chị B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn. Tòa án tiếp tục triệu tập, thông báo chị B đến Tòa án giải quyết vụ án và hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị B đều vắng mặt không có lý do và chị B không tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, tại phiên tòa hôm nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì không muốn làm ảnh hưởng đến các con. Như vậy, tình cảm vợ chồng trên thực tế đã không còn, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, xử cho anh H được ly hôn chị B.

- Về con chung: Anh H và chị B có 02 người con chung là Lý Thị L sinh ngày 17 tháng 10 năm 2007 và Lý Thị T sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009. Hiện tại cả hai người con đều đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng và có đủ điều kiện cho việc ăn ở sinh hoạt học hành của các con. Từ khi chị B đi làm ở thị trấn M, huyện Văn Yên cách nhà khoảng 7 km nhưng chị B không về nhà hằng ngày mà ở lại nơi làm việc thỉnh thoảng mới về nhà. Tòa án đã hỏi ý kiến nguyện vọng của cả hai người con của anh H, chị B nhưng cả hai người con đều có nguyện vọng được ở với anh H. Hiện tại chị B đang ăn ở sinh hoạt tại nơi làm việc, hằng ngày chị phải ngủ tại ghế dành cho khách. Như vậy, điều kiện nuôi con của anh H tốt hơn nên giao cả hai người con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn và có thể bảo đảm về quyền lợi mọi mặt của con. Anh H yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/người con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thấy rằng, yêu cầu này của anh H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật nên cũng cần được chấp nhận và chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị B đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị B phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Lý Ton H được ly hôn chị Thiệu Thị B.

2. Về con chung

Giao hai người con là Lý Thị L sinh ngày 17 tháng 10 năm 2007 và Lý Thị T sinh ngày 24 tháng 8 năm 2009 cho anh Lý Ton H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Thiều Thị B phải cấp dưỡng nuôi hai người con hằng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng/người con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm chị B bắt đầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là từ tháng 9/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Anh Lý Ton H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001484 ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (anh H đã nộp đủ án phí); chị Thiều Thị B phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Lý Ton H và chị Thiều Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã A, huyện Văn Yên
- Các đương sự (Anh H, chị B);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Hà